

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI TÀI CHÍNH SỐ TẠI VIỆT NAM

LƯU ANH NGUYỆT

Hệ sinh thái tài chính số Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển đầu tiên, thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ của phân khúc dịch vụ thanh toán. Công nghệ số cái phân tán và trí tuệ nhân tạo được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai với những thuận lợi từ chủ trương, chính sách của Nhà nước và nhu cầu của thị trường. Mặc dù vậy, sự phát triển của hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ những bất cập về pháp lý, tự hậu về nền tảng đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, vấn đề bảo vệ lợi ích người tiêu dùng...

Từ khóa: Hệ sinh thái tài chính số, Fintech, công nghệ tài chính, thị trường tài chính, dịch vụ tài chính, ví điện tử

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES IN THE DEVELOPMENT OF THE DIGITAL FINANCIAL ECOSYSTEM IN VIETNAM

Luu Anh Nguyet

Vietnam's digital financial ecosystem is in its first stage of development, reflected in the strong growth of the digital payment service segment. Distributed ledger technology and artificial intelligence are expected to continue developing in the future with advantages from the guidelines, policies of the State and the needs of the market. However, the development of the digital financial ecosystem in Vietnam still faces challenges from legal inadequacies, lagging behind in terms of innovation, science and technology, and issues in protecting consumer interests...

Keywords: Digital financial ecosystem, Fintech, financial technology, financial market, financial services, e-wallet

Ngày nhận bài: 16/2/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 28/2/2022

Ngày duyệt đăng: 2/3/2022

Giới thiệu về hệ sinh thái tài chính số

Hệ sinh thái tài chính số được hiểu là cộng đồng kinh tế được tạo ra bởi tương tác giữa các tổ chức tài chính, chính phủ, cá nhân, khách hàng và các bên liên quan khác trong cung ứng, sử dụng dịch vụ tài chính số. Theo Palmie và cộng sự (2020), sự tiến hóa từ hệ sinh thái tài chính sang hệ sinh thái tài chính số thường bắt đầu bởi

làn sóng thay đổi trong việc cung ứng, sử dụng dịch vụ thanh toán số, sau đó là sự ứng dụng rộng rãi hơn của công nghệ số cái phân tán và trí tuệ nhân tạo trong việc cung ứng các loại dịch vụ tài chính số khác. Sự gia tăng và phát triển của công nghệ mới góp phần làm tăng sự phức tạp của hệ sinh thái tài chính, với sự xuất hiện của các chủ thể mới, và các kết nối mới giữa các chủ thể và có những đặc tính số hóa, hàm lượng công nghệ cao hơn so với hệ sinh thái tài chính trước đây (Muthukannan và cộng sự, 2020). Trong quá trình tiến hóa đó, thuật ngữ công nghệ tài chính (Fintech) xuất hiện và trở nên phổ biến, rộng rãi hơn, với ý nghĩa chung để miêu tả việc ứng dụng công nghệ vào cung ứng các dịch vụ tài chính, tạo ra các mô hình kinh doanh sáng tạo và các công nghệ mới nổi có khả năng biến đổi ngành dịch vụ tài chính (IOSCO, 2017).

Tại Việt Nam, các công nghệ thanh toán kỹ thuật số có tác động mạnh mẽ nhất tới hệ sinh thái tài chính, còn tài sản mã hóa và trí thông minh nhân tạo mới tạo ra những thay đổi trong hệ thống. Cụ thể:

Thứ nhất, các công nghệ thanh toán mới như thanh toán thẻ không tiếp xúc, thanh toán trên các thiết bị di động và thương mại điện tử đã làm giảm thói quen sử dụng tiền mặt của người dân. Các công nghệ thanh toán mới đang thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng, tạo ra kỳ vọng mới đối với thị trường dịch vụ tài chính. Theo kết quả khảo sát của Visa năm 2019, 82% người tiêu dùng Việt Nam cho biết họ quan tâm đến phương thức thanh toán sinh trắc học, chẳng hạn như sử dụng dấu vân tay hoặc xác thực bằng giọng nói để hoàn thành giao dịch, trong khi 81% người

dùng quan tâm đến thanh toán thông qua ngân hàng số. Về phía cung cấp, số lượng các công ty trong lĩnh vực thanh toán cũng gia tăng, với 32 công ty đã được cấp phép hoạt động và chỉ tính riêng nguồn vốn đầu tư nước ngoài đổ vào hai công ty trung gian thanh toán đã chiếm tới gần 98% tổng nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực Fintech trong năm 2019. Khuôn khổ pháp lý đối với thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số cũng có nhiều thay đổi, dần hoàn thiện hơn.

Thứ hai, đối với tài sản mã hóa, từ năm 2017, Việt Nam luôn nằm trong nhóm dẫn đầu trên thế giới về mức độ quan tâm đến tài sản mã hóa. Thống kê cho thấy, năm 2017, lượng tìm kiếm từ khóa Bitcoin từ Việt Nam xếp hạng 41 trong danh sách 63 thị trường quan tâm nhất nhất đến Bitcoin. Theo công ty nghiên cứu thị trường tiên áo CryptoCompare, vào cuối tháng 11/2017, 80% giao dịch Bitcoin xuất phát từ châu Á, trong đó có 4 thị trường lớn nhất là: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Số lượng truy cập từ Việt Nam vào một số sàn giao dịch Bitcoin hay trang thông tin tiên áo trên thế giới như: Bittrex, Poloniex, Coinmarketcap... luôn nằm trong Top 5 cùng các nước Mỹ, Nga, Nhật Bản. Hoạt động phổ biến nhất liên quan tới tài sản mã hóa tại Việt Nam là giao dịch thứ cấp trên sàn giao dịch. Các hoạt động khác như phát hành lần đầu tiền mã hóa (ICO), phát hành lần đầu tài sản mã hóa chứng khoán (STO), máy Bitcoin ATM, thanh toán bằng tài sản mã hóa... chưa phổ biến. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính cũng đang nghiên cứu về việc ứng dụng công nghệ số cái phân tán vào cung cấp dịch vụ tài chính, ngân hàng... tuy nhiên chưa có thành tựu đáng kể.

Thứ ba, trí tuệ nhân tạo đã và đang được ứng dụng bởi một số ngân hàng trong việc thiết lập hoạt động của ngân hàng số (như ngân hàng TPBank), mang lại tiện ích tối đa cho người dùng (như Shinhanbank Việt Nam), đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng 24/7 (như VietABank) (Lê Thị Anh Quyên và Trần Nguyễn Sa, 2019). Trí tuệ nhân tạo mới được vận dụng chủ yếu trong việc tư vấn dịch vụ, giải đáp thắc mắc của khách hàng, thay thế nhân viên chăm sóc khách hàng mà chưa được sử dụng trong cung ứng các dịch vụ tài chính cốt lõi.

Dấu mốc cho sự chuyển đổi sang hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam thể hiện qua một số sự thay đổi của các chủ thể, sản phẩm và dịch vụ trong hệ thống tài chính, cụ thể:

Thứ nhất, hệ sinh thái tài chính có thêm sự tham gia của các công ty Fintech, các công ty phát triển công nghệ. Vai trò của các công ty này trên thị trường ngày

càng nâng cao, thể hiện ở sự gia tăng thị phần và trở thành đối tác chiến lược của nhiều ngân hàng lớn. Tại Việt Nam, số lượng các công ty Fintech đã tăng nhanh từ 40 công ty vào năm 2017, đã tăng lên gần 4 lần và đạt 123 công ty vào cuối năm 2020, chỉ đứng sau Singapore (1.157), Indonesia (511) và Malaysia (376) trong khu vực ASEAN (số của năm 2019); giá trị giao dịch khoảng 8,7 tỷ USD, gấp gần 2 lần so với năm 2017. Các công ty này chiếm tỷ trọng lớn ở mảng thanh toán (60,526% so với toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của các công ty Fintech), tiếp đến là hoạt động gọi vốn cộng đồng (chiếm 10,526%), Bitcoin/Blockchain (7,895%), POS/mPOS (5,263%), quản lý dữ liệu (5,263%), tài chính cá nhân (5,263%), cho vay tiền (2,632%) và so sánh giá trực tuyến (2,632%). Các công ty công nghệ lớn hoạt động trong lĩnh vực phi tài chính như Viettel, FPT... cũng cung cấp các dịch vụ tài chính, đầu tư hình thành các công ty Fintech, thành lập các quỹ đầu tư, vườn ươm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp Fintech.

Đối với các chủ thể truyền thống trong hệ sinh thái, do tác động của công nghệ mà chức năng, hoạt động và định hướng phát triển cũng có nhiều thay đổi. Để thích nghi với môi trường kinh doanh mới, nhiều ngân hàng thương mại đã và đang dần chuyển đổi, vận hành hệ thống ngân hàng số trên nền tảng công nghệ hiện đại như: BIDV, Vietinbank, VPBank, TPBank... Các ngân hàng thương mại cũng tập trung nguồn lực để nghiên cứu, đầu tư và phát triển các công nghệ mới ứng dụng vào dịch vụ của mình như: mã hóa thông tin thẻ, thanh toán thẻ chip tiếp xúc và phi tiếp xúc, thanh toán trên thiết bị di động...

Đối với Chính phủ, một số cơ quan mới đã được thành lập để nghiên cứu, tham mưu chính sách quản lý đối với Fintech, như Ban chỉ đạo về Fintech (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước). Từ góc độ quản lý, các vấn đề chính liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng, tính toàn vẹn của thị trường và các quy tắc bảo vệ chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Các nhà chức trách đang làm việc để thu hẹp khoảng cách đáng kể trong các lĩnh vực này và đang theo dõi các tác động đối với sự ổn định tài chính. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể về thể chế quản lý cũng như chức năng nhiệm vụ cụ thể của bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào đối với lĩnh vực Fintech cũng như chưa có cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc quản lý hoạt động Fintech có tính chất đan xen, kết hợp lẫn nhau (Nghiêm Thanh Sơn, 2020). Bên cạnh đó, đến nay, chưa có quy định về cơ cấu tổ chức của bộ phận chuyên trách có chức năng tham mưu các cấp lãnh đạo trong công tác quản lý, giám sát hoạt động này.

Thứ hai, trong giai đoạn vừa qua, các dịch vụ tài chính mới đã xuất hiện và đang ngày càng chiếm lĩnh thị trường. Dịch vụ ngân hàng được cung ứng trên nền tảng số, với sự ra mắt của các dịch vụ như ngân hàng di động, tiết kiệm số... Dịch vụ ngân hàng số và dịch vụ ngân hàng trực tuyến nhanh chóng phát triển bởi tất cả các ngân hàng trong hệ thống. Dịch vụ thanh toán là mảng dịch vụ nổi bật nhất và phát triển nhanh trong các loại dịch vụ tài chính số. Trong hai năm gần đây, một số ví điện tử đã có tốc độ phát triển nhanh và 19% giá trị giao dịch thương mại điện tử ở Việt Nam được thực hiện qua ví điện tử. Trên thị trường hiện có 5 ví điện tử (Payoo, MoMo, AirPay, Moca, FPT) chiếm tới 90% thị phần trung gian thanh toán cả về số lượng và giá trị giao dịch. Sự xuất hiện của ví điện tử đã góp phần đáng kể tới việc tạo thói quen tiêu dùng không tiền mặt và mở rộng vùng khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính. Bên cạnh đó, một số loại dịch vụ tài chính mới xuất hiện dựa trên nền tảng số như: cho vay ngang hàng, huy động vốn cộng đồng. Cho vay ngang hàng (P2P) đã xuất hiện tại Việt Nam từ năm 2015 và ngày càng có nhiều công ty cung cấp nền tảng cho hoạt động này.

Trong ba năm gần đây, Việt Nam cũng đón thêm các startup trong lĩnh vực công nghệ bảo hiểm, ngân hàng số và tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Công nghệ bảo hiểm được cung cấp bởi các công ty Fintech cung cấp dịch vụ bảo hiểm, bằng mô hình bảo hiểm ngang hàng. Một số sản phẩm công nghệ bảo hiểm như ứng dụng InsurTech của Công ty cổ phần INSO Việt Nam và Tổng công ty Bảo hiểm Bưu điện cho phép người dùng có thể tự mua các gói bảo hiểm và yêu cầu bồi thường mọi lúc, mọi nơi mà không cần các loại giấy tờ, thủ tục; ứng dụng Probot, Chatbot, Matchbook của Prudential hay Timo của VPBank. Có nhiều công ty cung cấp sản phẩm công nghệ bảo hiểm như: Inso, App bảo hiểm, Papaya, Miin, Opes...

Tuy nhiên, dù số lượng nhiều nhưng các công ty này chưa tạo ra sự khác biệt nào trên thị trường. Công nghệ quản lý được cung ứng bởi các công ty Fintech hỗ trợ khách hàng bằng việc sử dụng quy trình tuân thủ, giải quyết các vấn đề rủi ro liên quan tới pháp luật, quy định và quy trình, ngăn chặn rủi ro rửa tiền và hỗ trợ khách hàng thiết lập quy trình định danh khách hàng. Quản lý tài sản được cung ứng bởi các công ty Fintech, sử dụng cho lời khuyên tự động, nền tảng đầu tư và quản lý danh mục tài chính dựa trên sử dụng trí thông minh nhân tạo.

Cơ hội phát triển hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam

Sự phát triển hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam có cơ hội phát triển thuận lợi từ chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đối với phát triển kinh tế trong bối cảnh Cách mạng công nghệ 4.0 nói chung (Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư), chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính nói riêng.

Nhiều chính sách ưu đãi, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, các chủ thể tham gia vào hệ sinh thái tài chính số đang được triển khai và nghiên cứu áp dụng trong giai đoạn tới cũng là điều kiện thuận lợi để phát triển hệ sinh thái tài chính số. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Fintech là đối tượng thuộc diện được ưu đãi về thuế theo Nghị quyết số 41/NQ-CP năm 2016 của Chính phủ. Ngoài ra, Chính phủ còn có chính sách hỗ trợ đối với các công ty khởi nghiệp (theo Đề án 844 hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp) và khuyến khích Fintech (theo Đề án khuôn khổ pháp lý thử nghiệm cho lĩnh vực Fintech của Ngân hàng Nhà nước (đang trong quá trình xây dựng).

Cơ hội phát triển hệ sinh thái tài chính số còn đến từ nhu cầu thị trường đối với dịch vụ tài chính số. Tại Việt Nam, nhu cầu thị trường đối với dịch vụ tài chính số được đánh giá còn lớn và chưa được khai thác hết, với dân số đông hơn 90 triệu người và có hơn 70 triệu người sử dụng điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số trẻ; tài khoản sử dụng Internet ở mức cao, trong khi tỷ lệ người sở hữu tài khoản ngân hàng chỉ ở mức 20% với 3% người có thể tín dụng.

Thách thức đối với phát triển hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam

Bên cạnh các cơ hội phát triển, hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, cụ thể:

Thứ nhất, thách thức từ môi trường công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung. Nền tảng cho việc ứng dụng sâu, rộng của các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực tài chính là khoa học công nghệ. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ của Việt Nam trong cả khu vực Nhà nước và tư nhân mới chỉ chiếm khoảng 0,45% GDP, thấp hơn nhiều so với mức bình quân của thế giới là 2,23% GDP. Năng lực nghiên cứu khoa học ứng dụng - khoa học phục vụ cuộc sống, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam còn hạn chế và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia còn non trẻ. Điều này dẫn tới nguy cơ Việt Nam đang tụt hậu về mức độ sẵn sàng công nghệ, về đổi mới sáng tạo và về năng suất



lao động so với một số nước ở châu Á như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia và Singapore.

Thứ hai, môi trường pháp lý của Việt Nam chưa hoàn thiện đối với các loại dịch vụ tài chính mới, mang tính đột phá của chuyển đổi của hệ sinh thái tài chính số. Điển hình như đối với tài sản mã hóa, hiện nay chưa có khuôn khổ pháp lý chính thức quản lý tài sản mã hóa và các hoạt động liên quan tại Việt Nam. Các quy định liên quan tới tài sản mã hóa nằm rải rác ở một số văn bản pháp luật và mới chỉ điều chỉnh hoạt động sử dụng tài sản mã hóa như một phương tiện thanh toán, thay thế cho tiền pháp định. Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường quản lý hoạt động liên quan tới Bitcoin và các loại tiền mã hóa tương tự khác, phản ánh trong Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc tăng cường quản lý các hoạt động liên quan tới Bitcoin và các loại tiền ảo tương tự khác và Quyết định số 1255/QĐ-TTg phê duyệt đề án hoàn thiện khung pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo. Việt Nam chưa ghi nhận giá trị pháp lý của tài sản mã hóa là một loại hàng hóa hay một loại tài sản. Tuy nhiên, trên thực tế các giao dịch liên quan tới tài sản mã hóa vẫn diễn ra trên thị trường và không ngừng phát triển rộng rãi. Thực trạng trên khiến cho việc thiết kế, ban hành chính sách tài chính - tiền tệ đối với tài sản mã hóa còn nhiều thách thức, chưa có cơ sở để thực hiện. Do tài sản mã hóa chưa được công nhận tính pháp lý là phương tiện thanh toán, hay tài sản, hàng hóa... do đó, việc áp dụng các chính sách thuế hay quản lý như một loại chứng khoán đều không có cơ sở.

Từ phía các nhà cung cấp, các công ty công nghệ, việc thiếu cơ sở pháp lý như trên làm tăng rủi ro pháp lý, khiến các công ty này sẽ tìm kiếm các quốc gia khác có môi trường pháp lý rõ ràng, an toàn hơn cho việc phát triển dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ số cái. Việc chưa ban hành các quy định đối với các loại dịch vụ công nghệ tài chính khiến Fintech ẩn chứa những bất ổn pháp lý và đây trở thành một trong những quan ngại của doanh nghiệp, quỹ đầu tư khi đầu tư phát triển vào lĩnh vực này. Hiện nay, NAPAS là kênh độc quyền cho mọi giao dịch thanh toán, trong khi cho vay ngang hàng chưa thuộc đối tượng điều chỉnh của luật pháp. Tại Việt Nam, các cơ sở dữ liệu lớn chính thống chưa được hoàn thiện và chia sẻ như cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu định danh quốc gia nên việc định danh khách hàng chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Thứ ba, thách thức đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính số. Khách hàng ngày càng có kỳ

vọng cao hơn và khắt khe hơn trước đây khi sử dụng các dịch vụ tài chính số. Khách hàng mong đợi các dịch vụ được cá nhân hóa và nhanh hơn. Bên cạnh đó, nguồn lực tài chính và nhân lực cho việc chuyển đổi số của các định chế tài chính truyền thống cũng là một trong những thách thức lớn. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, ngoài hai vấn đề đó còn phải đối mặt và xử lý với hàng loạt các vấn đề khác như: tâm lý e ngại thay đổi, sự rủi ro về chiến lược, rào cản về chính sách, hạ tầng hệ thống hiện tại, cơ sở dữ liệu khách hàng chưa đồng bộ...

Thứ tư, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính. Trong bối cảnh an ninh mạng và bảo mật thông tin tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, việc các khách hàng dễ dàng cung cấp thông tin cá nhân cho các nền tảng cho vay P2P, các website mua bán trực tuyến... làm tăng nguy cơ rủi ro mất dữ liệu, thông tin cá nhân, tạo kẽ hở cho các vụ tấn công tin tặc. Xu hướng tội phạm công nghệ đang chuyển dần từ tấn công cơ học sang khai thác các lỗ hổng về công nghệ và người dùng. Lỗ hổng từ người dùng có thể khai thác qua việc người dùng vô tình truy cập vào những đường dẫn lạ, truy cập các website không an toàn. Theo khảo sát ở 6 quốc gia khu vực châu Á (Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Malaysia và Việt Nam) của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), hoạt động bảo vệ người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ở Việt Nam được đánh giá là khá sơ sài. Trong 6 tiêu chí để đánh giá hoạt động bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính thì Việt Nam chỉ đáp ứng được 2 yếu tố là có cơ quan quản lý khiếu nại và có hỗ trợ khách hàng bằng đường dây nóng. Các tiêu chí khác (phổ cập các chương trình về rủi ro tiêu dùng, xử lý trực tiếp khiếu nại, nhận báo cáo khiếu nại từ các tổ chức tài chính và kiểm soát chất lượng phục vụ...) đều được các quốc gia khác áp dụng, nhưng chưa được áp dụng tại Việt Nam.

Thứ năm, rủi ro từ những sản phẩm tài chính mới. Đối với loại hình cho vay ngang hàng P2P, rủi ro vỡ nợ của người đi vay là không tránh khỏi. Một số nền tảng cho vay ngang hàng trực tuyến không công bố minh bạch dữ liệu về danh mục cho vay. Các nền tảng cho vay ngang hàng trực tuyến cũng chưa từng trải qua một chu kỳ kinh tế đầy đủ nào nên chưa có những điều chỉnh mặc định theo tình chu kỳ. Do đó, tỷ lệ vỡ nợ trung bình có thể cao hơn mức dự kiến khi lãi suất tăng mạnh hoặc tăng trưởng kinh tế giảm sâu. Đối với gọi vốn cộng đồng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, tỷ lệ rủi ro cao hơn so với cho các doanh nghiệp đã trong giai đoạn phát triển ổn định do rủi ro phá sản của các doanh nghiệp khởi nghiệp là 50-90% (OICU-IOSCO,

2017). Những rủi ro trên có thể ảnh hưởng tiêu cực tới sự công bằng và hiệu quả của hoạt động thị trường.

Kết luận

Phân tích hệ sinh thái tài chính số Việt Nam cho thấy, hệ sinh thái tài chính số đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển với sự phát triển mạnh mẽ của phân khúc thanh toán. Chủ thể cung ứng dịch vụ thanh toán tăng nhanh, thị phần đối với dịch vụ thanh toán số tăng trưởng mạnh, khuôn khổ pháp lý và các quy định đối với thanh toán không dùng tiền mặt cũng có nhiều bước biến chuyển và hoàn thiện hơn của các loại dịch vụ tài chính số khác. Ngược lại, các phân khúc dịch vụ tài chính số khác mới bắt đầu xuất hiện và đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm.

Những cơ hội và thách thức đối với phát triển hệ sinh thái tài chính số cho thấy, để thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái này một cách toàn diện và sâu sắc, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với các loại dịch vụ tài chính số khác (như tài sản mã hóa, cho vay ngang hàng, huy động vốn cộng đồng trên nền tảng số, bảo hiểm số, quản lý tài sản...), phát triển nguồn nhân lực cho phù hợp với công nghệ tài chính, phổ cập kiến thức tài chính, cụ thể:

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho hệ sinh thái tài chính số phát triển, Việt Nam cần sớm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đặc biệt là đối với các lĩnh vực như: huy động vốn cộng đồng, hướng dẫn robot, tài sản mã hóa, phát triển các công nghệ ứng dụng vào dịch vụ tài chính (e-KYC), bảo mật dữ liệu... Đối với hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hiện nay cần chú ý quy định rõ ràng về mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, các điều kiện thành lập và hoạt động của công ty Fintech.

Hai là, cần chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về doanh nghiệp, về khách hàng, về các trường thông tin cần phải khai báo, tạo nền tảng số hóa. Bên cạnh đó, cần dành nguồn lực ưu tiên cho phát triển hạ tầng về thông tin mạng và bảo đảm về an ninh, an toàn cho mọi giao dịch của nền kinh tế trong môi trường mạng. Việc thúc đẩy nghiên cứu phát triển, ứng dụng các công nghệ mới, như công nghệ blockchain, công nghệ số cái phân tán, trí tuệ nhân tạo... cũng cần được chú trọng, tạo điều kiện cho việc ứng dụng vào lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

Ba là, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình chuyển đổi. Việt Nam cần nhìn nhận,

đánh giá chất lượng nguồn nhân lực để có các chương trình bồi dưỡng, đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của giai đoạn chuyển đổi số, sự biến động của môi trường hoạt động mới của ngành tài chính ngân hàng. Kinh nghiệm một số quốc gia cho thấy, để rút ngắn khoảng cách nhân sự, đòi hỏi các giải pháp từ tất cả các bên tham gia thị trường, trong đó, Chính phủ thực hiện các chương trình hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng nhằm tạo động lực cho các định chế tài chính sử dụng lao động mới, sử dụng lao động địa phương, tạo động lực cho người lao động học tập các kỹ năng số.

Bốn là, tăng cường phổ cập kiến thức tài chính, nâng cao trình độ hiểu biết và tạo lập thói quen sử dụng dịch vụ tài chính số hiện đại. Việt Nam cần nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với sự chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đặc biệt đối với các loại dịch vụ mới như: cho vay ngang hàng, gọi vốn cộng đồng, tài sản mã hóa... Nâng cao kiến thức tài chính cũng là biện pháp nâng cao khả năng tự bảo vệ mình của người tiêu dùng tài chính trong hệ sinh thái tài chính số, tránh khỏi các rủi ro về vi phạm quyền lợi, mất cắp thông tin cá nhân và dữ liệu...

Tài liệu tham khảo:

1. *Nghiêm Thanh Sơn (2020), Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hệ sinh thái công nghệ tài chính, Tạp chí Ngân hàng số 3/2020;*
2. *Phạm Thị Huyền (2019), Ứng dụng FinTech trong thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học và đào tạo ngân hàng, số 209, tháng 10/2019;*
3. *Trần Thị Kim Chi (2021), Quản lý công ty công nghệ tài chính ở các nước và triển vọng phát triển tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính kỳ 2, tháng 11/2020;*
4. *Trần Thị Xuân Anh và Nguyễn Thị Hoài Lê (2020), Ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến an toàn hệ thống tài chính - Từ khung lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng, số 216, tháng 5/2020;*
5. *Trần Trọng Triết (2020), FinTech và những tác động tới thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam, Tạp chí Thị trường tài chính tiến tế;*
6. *Muthukannan, P., Tan., B., Gozman, D., Johnson, L. (2020), The emergence of a Fintech Ecosystem: A case study of the Vizag Fintech Valley in India. Information and management, Vol.57, 8;*
7. *OICU-IOSCO (2017), IOSCO research Report on Financial technologies (FinTech), <https://www.iosco.org/library/pubdocs/pdf/IOSCOPD554.pdf>;*
8. *Palmie, M.; Wincent, J.; Parida, V.; Cagliar, U. (2020), The evolution of the financial technology ecosystem: An introduction and agenda for future research on disruptive innovations in ecosystems, <https://core.ac.uk/download/pdf/287058583.pdf>.*

Thông tin tác giả:

ThS. Lưu Ánh Nguyệt

Viện Chiến lược và chính sách tài chính (Bộ Tài chính)

Email: luuanhnguyet@mof.gov.vn